

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TÂM THỨC TÔN GIÁO VÀ LÝ THUYẾT THỂ TỤC HOÁ Ở CHÂU Á VÀ VIỆT NAM

NGUYỄN XUÂN NGHĨA*

Trong việc tìm hiểu mối tương quan giữa tôn giáo và văn hoá, đặt vấn đề về tính giá trị của lý thuyết thể tục hoá và tâm thức tôn giáo các dân tộc Châu Á. không chỉ thuần túy lý thuyết mà có tính thực tiễn, bởi lẽ vấn đề gắn liền với bản sắc văn hoá và quá trình hiện đại hoá như P. Berger đã nêu lên trong bài viết: *"Tính thể tục: Đông và Tây"* (P. Berger, 1983). Cũng vậy, trong một bài viết về tính thời sự của xã hội học tôn giáo của M. Weber, chúng tôi cho thấy quan điểm của M. Weber về mối liên hệ giữa tôn giáo, tính thể tục và tính hiện đại đang được minh hoạ bởi sự phát triển của *"Thần học về sự thịnh vượng"* (Prosperity theology) của các phái Tin Lành Ngũ Tuần (Pentecotism), có ảnh hưởng mạnh ở các xã hội Nam Mỹ hiện nay (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2007, tr.14). Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến một vài khía cạnh của vấn đề liên quan trong bối cảnh Châu Á và Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Lý thuyết thể tục hoá cổ điển quan niệm xã hội càng hiện đại thì tôn giáo càng mất vai trò. Thế nhưng, từ cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI với sự trỗi dậy của các phong trào bảo thủ trong các tôn giáo, sự xuất hiện của các tôn giáo trên lĩnh

vực chính trị - đặc biệt chính trị quốc tế - và ở các quốc gia được xem là hiện đại như Mỹ, Nhật Bản, vai trò của tôn giáo và tâm thức tôn giáo cũng còn rất mạnh mẽ, vì vậy người ta đặt lại vấn đề lý thuyết thể tục hoá cổ điển (P. Berger, 2001, tr.15). Nhưng một số tác giả khác khẳng định chưa thể tiên biệt lý thuyết thể tục hoá về nơi "an nghỉ trong bình an" như R. Stark mong muốn (R. Stark, 1999), và lý thuyết này vẫn còn giá trị vì giải thích được sự suy giảm vai trò xã hội của tôn giáo ở Châu Âu (S. Bruce, 2001). Thậm chí J. Casanova quan niệm, mặc dù cần hiệu chỉnh lại, lý thuyết thể tục hoá là một đóng góp lý thuyết chính yếu cho khoa học xã hội trong việc giải thích tương quan giữa tôn giáo và tính hiện đại (J. Casanova, 1994, tr. 212).

Như đã đề cập nhiều lần, trong quá trình hiện đại hoá phải xem tính tôn giáo bao gồm những chiều kích nào? Những chiều kích nào giảm sút vai trò, những chiều kích nào không thay đổi (Nguyễn Xuân Nghĩa, 1996, 2003, 2005). Cũng như các định chế xã hội khác - ví như gia đình - tôn giáo trong thời hiện đại cũng biến đổi, tái cấu hình lại (reconfiguration) để thích ứng với những đổi thay của xã hội.

*. TS., Viện Đại học mở TP. Hồ Chí Minh.

Lí thuyết thế tục hoá bắt nguồn từ lịch sử Châu Âu, có thể áp dụng cho những nền văn hoá khác không? Các nền văn hoá khác, như các nền văn hoá Châu Á có bị thế tục hoá như Tây Phương hay không? Có tác giả cho rằng không có sự tách rời chính trị và tôn giáo ở các xã hội Châu Á, nên không thể áp dụng lí thuyết thế tục hoá của Châu Âu vào vùng đất này. Ngược lại có tác giả cho rằng Châu Á có hiện tượng thế tục hoá trước cả Châu Âu bởi lẽ có những tôn giáo, như Nho giáo, chỉ đề cập đến những vấn đề của thế giới hữu hình này chứ không đề cập đến “thế giới bên kia” (“Vị tri sinh, yên tri tử” (Chưa biết sống, sao biết chết?); “Thiên hà ngôn tai” (Trời có nói gì đâu); hay không bàn đến thần thánh - Khổng tử: “Sự quý thần kính nhi viễn chi”). Một số tác giả còn đi đến kết luận, nếu chỉ dựa vào tỉ lệ phần trăm những người tự nhận không thuộc tôn giáo nào, thì có hai vùng trên thế giới “thế tục hoá” nhất là Tây Âu và các nước ở Đông Á (P. Berger, 1983; S.R. Reed, 2007)¹⁾.

Như chúng tôi sẽ trình bày sau, theo thống kê chính thức, số tín đồ tôn giáo ở Việt Nam hiện nay chỉ chiếm tỉ lệ khoảng 25% dân số, nhưng ngược lại có những nhận định tâm thức tôn giáo ở người Việt Nam rất sâu đậm: “Ở người An Nam (Việt) và trong mọi giai cấp xã hội, cảm thức tôn giáo biểu lộ một cách mạnh mẽ và thống trị toàn bộ cuộc sống, nó vây phủ kín bằng các thực hành mọi hành vi hàng ngày, từ những kẻ thấp hèn đến những người quan trọng” (L. Cadière, [1958], 1992, tr. 1). Tài liệu *Một số hiểu biết về tôn giáo - Tôn giáo ở Việt Nam* cũng nhận xét: “...Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam mang tính quần chúng phổ biến, nhưng chỉ ở cấp độ tâm lí tôn giáo. Tâm lí tôn giáo không chỉ sâu đậm trong

lòng những tín đồ tôn giáo mà có cả trong số đông những người không theo một tôn giáo cụ thể nào” (Tổng Cục chính trị, 1998, tr. 134). Gần đây, “Báo cáo quốc gia kiểm định định kì việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam” cho biết: “Việt Nam có khoảng 20 triệu người theo các tôn giáo khác nhau và 80% người dân có đời sống tín ngưỡng” (Bộ Ngoại Giao, 2009, [24])

Để đưa ra trả lời cho những câu hỏi nêu trên, chúng tôi xem xét quá trình thế tục hoá ở Châu Á và Việt Nam dựa vào một số chỉ báo cụ thể. Và Châu Á nói chung, do những đặc điểm văn hoá vùng, cần phải xét tối thiểu ở ba vùng cụ thể: Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á. Là một nghiên cứu đối chiếu, do đó số liệu thích hợp nhất, theo chúng tôi là những số liệu của các cuộc Điều tra Hàn thử biểu Châu Á (Asia Barometer Survey, ABS) và một ít số liệu ở Điều tra Giá trị Thế giới (World Value Survey, WVS).

2. Một số chỉ báo về tâm thức tôn giáo và thế tục hoá ở Châu Á và Việt Nam

Một trong các chỉ báo quan trọng để tìm hiểu mức độ thế tục hoá của một xã hội là tỉ lệ quy thuộc tôn giáo (appartenance religieuse): xem cá nhân có tự nhận mình thuộc về một tôn giáo cụ thể nào không hay không có tôn giáo. Với chỉ báo này, ta nhận thấy có một sự tương phản gay gắt ở Châu Á (xem bảng 1): Một vùng Nam Á rất mộ đạo - tỉ lệ người không có tôn giáo hầu như bằng không, và một vùng Đông Á “thế tục”: Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản có tỉ

1. Bài viết của S. R. Reed sử dụng số liệu của ABS. Trong bài viết này, chúng tôi cập nhật những số liệu mới hơn và phân ba vùng: Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á, và đặc biệt số liệu về Việt Nam.

Bảng 1: Tỷ lệ % người trả lời tự xác nhận không thuộc tôn giáo nào

Đông Á		Đông Nam Á		Nam Á	
Mông Cổ	18,6	Philippin	0,2	Ấn Độ	0,1
Nhật Bản	60,1	Indonesia	0	Bangladesh	0,0
Hàn Quốc	43,1	Malaysia	1,1	Nêpan	0,3
Đài Loan (TQ)	24,1	Thái Lan	0,0	Bhutan	0,0
Hồng Kông (TQ)	72,8	Campuchia	0,1	Pakistan	0,0
Trung Quốc	79,5	Lào	0,0		
		Myanma	0,0		
		Singapore	12,8		
		Việt Nam	31,5		

Nguồn: *Điều tra Hàn thử biểu Châu Á (ABS), 2005, 2006, 2007.*

Bảng 2: Tỷ lệ % người trả lời có cầu nguyện mỗi ngày

Đông Á		Đông Nam Á		Nam Á	
Mông Cổ	5,7	Philippin	76,4	Ấn Độ	86,8
Nhật Bản	22,0	Indonesia	86,1	Bangladesh	60,5
Hàn Quốc	17,7	Malaysia	75,5	Nêpan	57,1
Đài Loan (TQ)	7,6	Thái Lan	22,6	Bhutan	53,6
Hồng Kông (TQ)	6,9	Campuchia	27	Pakistan	53,5
Trung Quốc	5,4	Lào	18,5		
		Myanma	77,5		
		Singapore	47,7		
		Việt Nam	4,5		

Nguồn: *Điều tra Hàn thử biểu Châu Á (ABS), 2005, 2006, 2007*

lệ không tôn giáo trên 60%. Vùng Đông Nam Á, trừ trường hợp Singapore và Việt Nam chịu ảnh hưởng Nho giáo và Phật giáo Đại thừa có tỷ lệ không tôn giáo từ 10-30%⁽²⁾, các quốc gia khác đều có những tôn giáo chủ đạo chiếm khoảng 80%, như Công giáo ở Philippines, Islam giáo ở Indonesia, Malaysia, Phật giáo Tiểu thừa ở Thái Lan, Campuchia, Myanma, Lào. Ở Nam Á và Đông Nam Á (trừ Việt Nam và Singapore) tôn giáo có tính "bẩm sinh".

con người sinh ra đã có "một vị trí chỉ định" (ascribed status) về tôn giáo,

2. Ở Việt Nam, số liệu về người có tôn giáo hay không tôn giáo không thống nhất: Theo "*Tôn giáo và chính sách tôn giáo*" (2006), có khoảng 25,26% tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam. Trong nghiên cứu của ABS (2006), số người không tôn giáo, tín ngưỡng khoảng 31,5%; trong nghiên cứu WVS 2001, 46% không thuộc tôn giáo nào; trong báo cáo của Bộ Ngoại giao vừa nêu: "80% người dân có đời sống tín ngưỡng". Riêng Singapore: Phật giáo: 42,5% dân số, Islam giáo: 14,9%, Kitô giáo 14,6% (39% ở người Hoa biết tiếng Anh), Đạo giáo: 8,5%; Ấn giáo : 4%.

ngược lại tôn giáo ở Đông Á là chọn lựa của gia đình và cá nhân.

Chỉ báo thứ hai để đo lường là việc cầu nguyện mỗi ngày. Cầu nguyện được xem như là một hành vi giao tiếp cá nhân với một Hữu thể siêu tự nhiên. Cầu nguyện thường được xem là một chỉ báo để đo lường mức độ thâm sâu của tính tôn giáo.

Bảng 2 một lần nữa cho thấy tương phản giữa Nam Á và Đông Á. Ở Nam Á, nước có tỉ lệ cầu nguyện mỗi ngày thấp nhất là Pakistan, nhưng cũng trên 50% trong khi ở Đông Á, nơi có tỉ lệ cầu nguyện cao nhất là Nhật Bản cũng chỉ là

22%. Riêng Đông Nam Á, trừ trường hợp Việt Nam có tỉ lệ % cầu nguyện hàng ngày rất thấp: 4,5%⁽³⁾, do tỉ lệ tín đồ theo tôn giáo độc thần thấp (Công giáo trong điều tra ABS chỉ là 7,5%). Singapore có tỉ lệ cầu nguyện cao hơn là do Islam giáo chiếm 21%. Kitô giáo (cả Công giáo và Tin Lành): 16%, Phật giáo 30%. Tín đồ của tôn giáo độc thần như Islam giáo (Indonesia, Malaysia), Công giáo (Philippines) có tỉ lệ cầu nguyện mỗi ngày cao nhất, kế đó là đạo Phật Tiểu thừa (Myanma: 77,5%; Thái Lan: 22,6%; Campuchia: 27%).

Bảng 3: Tỉ lệ % người trả lời tin vào một thế giới tâm linh không thấy được

Đông Á		Đông Nam Á		Nam Á	
Mông Cổ	(*)	Philippin	82	Ấn Độ	(*)
Nhật Bản	51,5	Indonesia	67,4	Bangladesh	(*)
Hàn Quốc	50,6	Malaysia	56,2	Nêpan	(*)
Đài Loan (TQ)	72,3	Thái Lan	65,4	Bhutan	(*)
Hồng Kông (TQ)	56,9	Campuchia	77,7	Pakistan	(*)
Trung Quốc	49,3	Lào	52,2		
		Myanma	60,5		
		Singapore	57,8		
		Việt Nam	54,5		

Nguồn: Điều tra Hàn thử biến Châu Á (ABS), 2005, 2006, 2007. Tỉ lệ % bao gồm những người trả lời "Hoàn toàn tin" và "Tin nhiều ít. (*) Trong cuộc điều tra năm 2005 dành cho các nước Nam Á, không có câu hỏi liên quan đến vấn đề này. Có lẽ người ta không cần tìm hiểu vấn đề này ở vùng đất "mô đạo" này.

Một trong những đặc điểm của lí thuyết thế tục hoá cổ điển - từ quan điểm giải ma thuật (démagification) của M. Weber - quan niệm xã hội hiện đại với tư duy duy lí đã thay thế lối tư duy truyền thống mang tính linh thiêng với một thế giới quan "thần tiên" (cosmologie enchantée) của xã hội cổ truyền. Cuộc điều tra ABS đã đưa ra câu hỏi: "Ông bà anh chị có tin vào một thế giới tâm linh

không thấy được, nó có thể ảnh hưởng những biến cố trong thế giới ta đang thấy quanh ta?" (Với phương án trả lời theo

3. Trong tài liệu của WVS 2001 Việt Nam, tỉ lệ cầu nguyện hàng ngày là 4,6% (trong đó, người Công giáo 31,6%, Phật giáo 14%, Thờ cúng Tổ tiên: 1,3%; Không tôn giáo: 1,1%). Tuy nhiên số người có câu nguyện hay thiên định chiếm 29,7% (Công giáo: 91,4%. Phật giáo: 50,3%, Thờ cúng Ông Bà 25,3%. Không tôn giáo: 15,4%).

thang đo bốn mức độ: Hoàn toàn tin, tin nhiều ít, không tin, hoàn toàn không tin). Rõ ràng câu hỏi được thiết kế để tìm hiểu một niềm tin vào một thế giới “không khoa học” và ta có kết quả trả lời như bảng 3.

Không kể đến Nam Á rất sùng đạo, điều tra cho thấy các nước Đông Á dù rất thế tục và Đông Nam Á đều có tỉ lệ cư dân tin vào vào thế giới tâm linh khá cao, trên 50%: trường hợp Philippines dễ hiểu vì đại bộ phận cư dân theo Công giáo: các nước có đông tín đồ Islam giáo như Indonesia và Malaysia có tỉ lệ 67,4% và 56,2%; các nước có đông tín đồ theo đạo Phật Tiểu thừa như Campuchia, Thái

Lan có tỉ lệ tương ứng 77% và 65%; Việt Nam, Singapore chịu ảnh hưởng của Nho giáo cũng có tới 55% và 58%⁽⁴⁾. Ở Đông Á, Đài Loan có tỉ lệ cao nhất (72,3%) và Trung Quốc thấp nhất (49,3%).

Chỉ báo kế tiếp là tầm quan trọng của các nghi lễ, dịch vụ tôn giáo. Câu hỏi được đặt ra như sau: “Với các biến cố sau đây, xin ông bà anh chị cho biết mức độ quan trọng liên quan đến yếu tố tôn giáo (như xảy ra trong cơ sở tôn giáo hay có sự hiện diện của chức sắc tôn giáo...)” (Với phương án trả lời theo thang đo bốn mức độ: rất quan trọng, ít nhiều quan trọng, không quan trọng, hoàn toàn không quan trọng). Bảng 4 cho chúng ta kết quả:

Bảng 4: Tỉ lệ % người trả lời về mức độ quan trọng của yếu tố tôn giáo trong các sự kiện

CÁC NƯỚC VÀ VÙNG LÃNH THỔ ĐÔNG Á:					
	Trung quốc	Hồng Kông	Nhật Bản	Hàn Quốc	Đài Loan
Đám tang	62,10	62,54	84,39	62,28	82,27
Đám cưới	63,40	53,99	54,36	51,44	17,09
Khi sinh ra	27,69	33,06	32,48	41,83	8,47
Lễ hội	24,95	30,33	38,27	42,29	29,06

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á							
	Việt Nam	Singapor	Malaysia	Indonesia	Philippines	Thai Lan	Campuchia
Đám tang	74,7	81,7	97,1	95,2	94,9	98,4	97,8
Đám cưới	55,6	70,9	93,5	95,8	96,3	60,3	99,1
Khi sinh ra	37,1	62,6	81,2	35,6	97,9	42	75,5
Lễ hội	25	61,5	87,5	85,3	77,8	71,2	84,6

Ghi chú: % trả lời “Rất quan trọng” và “ít nhiều quan trọng”

Nhìn chung, nếu trên đây sự quy thuộc tôn giáo ở vùng Đông Á và ở những dân tộc chịu ảnh hưởng Nho giáo là thấp thì ở đây có tương phản: sự đánh giá vai trò của lễ thức trong đời sống cá nhân và xã hội khá cao. Trong ba sự kiện đánh dấu sự chuyển tiếp của đời người (sinh ra đời, đám cưới, đám tang), thì đám tang gắn nhiều nhất với một chuyển biến có

liên quan đến thế giới tâm linh. Trung Quốc có tỉ lệ thấp nhất cũng có đến 62% cư dân đánh giá cao yếu tố tôn giáo trong đám tang. Việt Nam: 75%, Nhật Bản 84%... Đó là chúng ta chưa đề cập đến những nền văn hoá chịu ảnh hưởng của Islam giáo, Kitô giáo, Phật giáo. Những

4. Theo WVS 2001 Việt Nam. 38.2 % người Việt tin có linh hồn

nơi này, tỉ lệ đánh giá tầm quan trọng các lễ thức tôn giáo càng cao hơn nữa.

Như vậy trong bốn chỉ báo để xem xét quá trình thế tục hoá ở các nước Đông Á và Đông Nam Á, hai chỉ báo đầu - sự quy thuộc tôn giáo và cầu nguyện - nói chung có tỉ lệ thấp, nhưng hai chỉ báo về niềm tin vào thế giới tâm linh và vai trò của lễ thức tôn giáo lại có tỉ lệ cao. Như vậy quá trình thế tục hoá là một quá trình phức

tạp, đa chiều kích và không phải là một quá trình đơn tuyến.

Yếu tố nào đã chi phối mức độ tâm thức tôn giáo của cá nhân? Phân tích hồi quy đa biến cũng không cho ta một giải thích rõ ràng vì đại lượng giải thích bởi hồi quy này rất thấp, dưới 10%. Tuy nhiên tương quan giữa các biến cũng cho phép ta có thể đưa ra nhận định (xin xem bảng 5).

Bảng 5: Tương quan giữa các yếu tố nhân khẩu - kinh tế và việc cầu nguyện hàng ngày

* Đông Á	THU NHẬP	TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN	TUỔI TÁC	GIỚI TÍNH (NỮ GIỚI)
Nhật Bản		Nghịch	Thuận	Thuận
Hàn Quốc	Nghịch		Thuận	Thuận
Đài Loan (TQ)			Thuận	Thuận
Hồng Kông (TQ)		Thuận		
Trung Quốc	Nghịch	Nghịch		Thuận
Mông Cổ	Thuận		Thuận	
* Nam Á				
Ấn Độ	Nghịch		Thuận	Thuận
Bangladesh			Thuận	Thuận
Nêpan			Thuận	Thuận
Bhutan			Thuận	
Pakistan		Thuận	Thuận	
* Đông Nam Á				
Philippin		Thuận	Thuận	Thuận
Indonesia		Thuận		Thuận
Malaysia	Nghịch		Thuận	
Thái Lan				Thuận
Campuchia		Nghịch	Thuận	Thuận
Lào	Nghịch	Nghịch	Thuận	Thuận
Myanma			Thuận	Thuận
Singapore		Nghịch	Thuận	
Việt Nam		Nghịch		Thuận

Bảng 5 cho thấy, có thể nói rằng phụ nữ và người lớn tuổi có tính tôn giáo sâu đậm hơn. Đây cũng là nhận định mà nhiều nghiên cứu đã đưa ra. Tuy nhiên các mối tương quan này đều có luật trừ, như trường hợp ở Việt Nam và năm quốc gia khác, không có tương quan giữa tuổi tác và sự cầu nguyện. Với yếu tố giới tính cũng vậy. Về yếu tố mức sống và trình độ

học vấn, trong một số nước có thể có tương quan, nhưng nhìn chung cả Châu Á, hơn nửa số nước không có tương quan và nếu có tương quan, tương quan này giữa các nước cũng nghịch chiều nhau. Ví như, khác với nhận định của lí thuyết thế tục hoá, ở Mông Cổ người có thu nhập cao lại cầu nguyện nhiều, ở Hồng Kông, Malaysia, Indonesia người có trình độ học

vấn cao có tỉ lệ cầu nguyện mỗi ngày nhiều hơn.

3. Vai nhận xét

Từ những thông tin trên có thể đưa ra một số nhận định tổng quát sau:

Các chiều kích của quá trình thế tục hoá là không đồng nhất trong các xã hội. Nhận định này không chỉ đúng với các nước Châu Á mà ở cả Châu Âu. Ví như ở các nước Bắc Âu (Thụy Điển, Đan Mạch, v.v...) và ngay cả ở Pháp, được xem là các nước bị thế tục hoá mạnh mẽ, nhưng ở các nước này, nhu cầu các lễ nghi tôn giáo liên quan đến tang tế vẫn rất cao.

Sự khác biệt nổi bật về văn hoá tôn giáo giữa hai vùng Nam Á rất "tôn giáo" và Đông Á rất "thế tục" có thể giải thích do những khác biệt sau: Ở Nam Á, có nhiều quốc gia ở đó tồn tại một tôn giáo mang tính thống trị, đa số, như Islam giáo ở Pakistan, ở Bangladesh (80%), Ấn giáo ở Ấn Độ, Nepal (80%), Phật giáo ở Bhutan (75%). Ngược lại ở vùng Đông Á không có tình trạng một tôn giáo đa số như vậy. Đông Á cũng là vùng đất có sự chung sống của ba tôn giáo lớn: Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Phật giáo ở đây thuộc phái Đại thừa, với quan niệm về Bồ Tát mang tính "nhập thế" nhiều hơn và với chủ trương mỗi cá nhân đều có "Phật tính", có khả năng giác ngộ thì ít có sự tách biệt cái linh thiêng và thế tục như ở Phật giáo Tiểu thừa nguyên thủy. Và như nhận định của nhiều nhà nghiên cứu, tín ngưỡng dân gian ở đây mang tính thực dụng nhiều hơn (P. Berger, 1983)

Ở các nước Đông Á và Đông Nam Á trong vùng văn hoá Nho giáo, vai trò của lễ thức tôn giáo mang tính xã hội rất

quan trọng, trong khi một số thực hành tôn giáo mang tính cá nhân (như cầu nguyện) có mức độ thực hành không cao. Điều này cho phép giải thích tính nghi thức (ritualisme) của vùng văn hoá này. Và các tôn giáo độc thần (như Islam giáo, Kitô giáo, v.v...) khi vào vùng đất này, được củng cố và phát triển bởi nét văn hoá đặc thù này, càng gia tăng chiều kích thực hành trong các tôn giáo nêu trên. Và thực hành - cho dù là hình thức - là yếu tố rất quan trọng trong việc củng cố tính tôn giáo. Điều này minh chứng mạnh mẽ bản sắc tôn giáo rất sâu đậm ở các nhóm dân cư thiểu số theo tôn giáo độc thần ở Châu Á, như người Công giáo ở Việt Nam hay người Công giáo và Tin Lành giáo ở Hàn Quốc (Kitô giáo chiếm khoảng 26% dân số).

Nếu xét dưới góc độ quy thuộc tôn giáo, các nước vùng Đông Á và Việt Nam rất thế tục, nhưng tại sao lại có một mức độ tin tưởng vào sự tồn tại của một thế giới tâm linh khá cao? Điều này chỉ có thể hiểu được khi nắm bắt đặc điểm tôn giáo, tín ngưỡng ở cùng đất này. Như đầu đó L. Cadière đã nhận định về người Việt chúng ta "...Thấm nhập ở họ một niềm tin rằng các hữu thể siêu tự nhiên luôn hiện diện bên cạnh, thống trị họ. Và hạnh phúc của họ tùy thuộc sự can thiệp của các hữu thể này trong những công việc của thế giới đời thường này" (Cadière, [1958], 1992, tr. 33-35). Và chúng ta không ngạc nhiên khi quan niệm về nghiệp (karma), về luân hồi (samsara), về tái sinh, về một ông Trời và đặc biệt đạo Thờ cúng Tổ tiên tồn tại rất sâu đậm ở vùng đất này. Đây là mẫu số chung trong tâm thức có thể đoàn kết những người có tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo, đặc biệt ở Việt Nam ta./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Asia Barometer Survey (ABS). 2005-07.
<http://www.asianbarometer.org/newenglish/introduction/ProgramOverview.htm>
- Ban Tôn giáo Chính phủ. 2006. *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*. Hà nội.
- Berger P. 2001. *Le réenchantement du monde*. Paris, Bayard, 2001.
- Berger P. 1983. Secularity : West and East. *Cultural Identity and Modernization in Asian Countries. Proceedings of Kokugakuin University Centennial symposium*. Institute for Japan Culture and Classics. Kokugakuin University.
<http://www2.kokugakuin.ac.jp/ijcc/wp/cimac/berger.html>
- Bộ Ngoại Giao, CHXHCNVN. 2009. *Báo cáo quốc gia kiểm định định kỳ việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam*. Công bố 23-4-2009. Có thể xem: <http://www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/nr040807105001/ns090423105036>. Tham khảo ngày 1-5-2009.
- Bruce S. 2001. *Christianity in Britain. R.I.P.* Sociology of Religion, Summer.
- Cadière L. [1958], 1992. *Croyances et pratiques religieuses des Vietnamiens*, Publications de la Société des études Indochinoises, Saigon. vol. 1.
- Casanova J. 1994. *Public religions in the Modern World*. Chicago: University of Chicago Press.
- Nguyễn Xuân Nghĩa. 1996. *Tôn giáo và quá trình thế tục hoá*. Tạp chí Xã hội học, số 1.
- Nguyễn Xuân Nghĩa. 2003. *Tôn giáo trong xã hội hiện đại: thế tục hoá hay phi thế tục hoá*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 2.
- Nguyễn Xuân Nghĩa. 2005. *Các chiến dịch của tính tôn giáo*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 1.
- Nguyễn Xuân Nghĩa. 2007. *Xã hội học tôn giáo của M. Weber và tính thời sự của nó*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 2.
- Norris P., Inglehart R. 2004. *Sacred and Secular*. Cambridge : Cambridge University Press.
- Reed S. R. 2007. *Analyzing Secularization and Religiosity in Asia*. Japanese Journal of political Science, no 8.
- Stark R. 1999. *Secularization, R.I.P (Rest in peace)*. Sociology of Religion, Fall.
- Tổng cục chính trị, 1998. *Một số hiểu biết về tôn giáo - Tôn giáo ở Việt Nam*. Hà Nội, Nxb Quân đội Nhân dân.
- World Value Survey. 2001, 2006. <http://www.worldvaluessurvey.org/>